

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lã Hùng Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trình - Cán bộ hưu trí, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì.

2. Ông Nguyễn Xuân Thuật - Chủ tịch MTTQ xã Đông Quang, huyện Ba Vì.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/04/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-.HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn LT, xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội

*Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn LT, xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội

Nguyên, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn ly hôn, bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ chị Lê Thị Hồng T trình bày :** Chị kết hôn với anh Lê Văn H, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH năm 1992, sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà anh H . Cuộc sống chung ổn định, hạnh phúc đến năm 2003 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, trong thời gian lao động tại nước ngoài, vợ chồng vẫn thông tin liên lạc với nhau, chị T gửi tiền về để anh H nuôi con và xây nhà ở 3 tầng trên đất bố mẹ để

anh H chia cho tại thôn LT, xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội. Năm 2006, chị T về nước lần thứ nhất, năm 2009, chị T về nước lần thứ hai thì vợ chồng có mâu thuẫn dần nứt tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2006 chị T về nước lần có nghe tin về việc anh H ở nhà có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng chị vẫn bỏ qua, vợ chồng vẫn giữ quan hệ bình thường, sau đó chị lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và gửi tiền về để anh H xây nhà vào năm 2007. Năm 2009 chị về lần 2 thì người thân nói nhiều về việc anh H ngoại tình, chị nhận thấy việc người thân nói là có căn cứ mặc dù chị không tìm hiểu người đó là ai và sống ở đâu, bên cạnh đó anh H cũng đồng thời không đi lại thăm nom gì người thân bên gia đình chị khi chị ở nước ngoài, do vậy tình cảm vợ chồng dần nứt. Chị T ở nhà khoảng 1 tháng nhưng vợ chồng không khắc phục được dần nứt tình cảm, chị T tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, thời gian khoảng 1 tháng đầu khi chị sang Đài Loan lần thứ 3, anh H mỗi lần điện thoại cho chị đều chửi bới, xúc phạm chị, do vậy có lần anh H gọi chị làm việc và căng thẳng nên không nghe máy, sau đó anh H không liên lạc với chị nữa. Năm 2013 anh H mổ sỏi mật phải nằm bệnh viện chị được các con báo tin nên chị có gửi tiền về cho con chăm sóc anh H, trong lần đi thứ ba này chị không làm việc được liên tục do bị đau ruột thừa phải mổ và bị tai nạn gãy chân, do vậy chị không có tiền gửi về nhà như trước, việc lo chi phí sinh hoạt cho các con ở nhà chị phải nhờ đến em trai ruột là Lê Ngọc C trú cùng thôn hàng tháng giúp đỡ mang tiền đưa trực tiếp cho hai con chung của chị và anh H ăn học với sự giúp đỡ cơm nước hàng ngày của mẹ đẻ anh H. Chị và anh H không liên lạc với nhau từ đó đến khi chị về nước tháng 1/2018. Mặc dù không liên lạc anh H chị vẫn nắm được thông tin anh H ở nhà có đưa người phụ nữ khác thỉnh thoảng về nhà ở thôn LT sinh sống, họ đã có con chung, anh H cũng dẫn mẹ con họ đi ăn cỗ họ hàng. Năm 2015, hai con chung của anh chị chuyển về nhà ông bà ngoại sinh sống thì anh H công khai hơn việc chung sống với người phụ nữ kia. Vì vợ chồng đã dần nứt tình cảm từ năm 2009 lại sống xa nhau nhiều năm nên đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, chị xin được ly hôn anh H.

**Bị đơn anh Lê Văn H trình bày:** Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị T xảy ra năm 2009 khi chị T về nước lần thứ hai là do xuất phát từ việc anh được biết lần đi lao động trước chị T có mua thuốc tránh thai mang theo. Sau đó chị T có đề xuất với anh làm thủ tục ly hôn giả để chị T sang bên Đài Loan lấy chồng sẽ được ở làm việc lâu dài, anh không đồng ý thì chị T lại lấy lý do chị phải đi tiếp sang bên Đài Loan để lấy tiền. Do vậy chị T tiếp tục đi xuất khẩu lao động lần thứ 3. Lần đi này chị T không gửi tiền về cho anh nữa, đồng thời tôi cũng mất liên lạc với chị T từ năm 2009 đến tháng 1/2018 chị T xuất hiện tại nhà thờ tổ của họ nhà anh làm lễ. Thời gian chị T đi xuất khẩu lần thứ 3, anh không đi lại thăm nom gia đình người thân bên bố mẹ đẻ chị T do họ không cho anh sang nhà.

Việc chị T trình bày anh có quan hệ ngoại tình với người khác và có con chung, anh H xác nhận: Cách đây vài năm, nay anh không nhớ rõ năm nào, có một người phụ nữ hỏi xin anh một đứa con, anh đồng ý và cho họ một đứa con theo tự nhiên. Nay anh không xác định được tên, tuổi, địa chỉ người phụ nữ đó ở đâu. Thỉnh thoảng người phụ nữ đó có đưa con về nhà mẹ đẻ anh chơi nhưng giữa anh và người phụ nữ đó không có quan hệ tình cảm gì. Khi người phụ nữ đó xin con, anh không thông báo hay liên lạc gì cho chị T biết. Việc tình cảm giữa anh và chị T dần nứt từ năm 2009 là có thật, khi chị T khởi kiện xin ly hôn lúc đầu anh đồng ý giải quyết ly hôn nhưng nay anh thấy tiếc công anh nhiều năm hy sinh sống một mình để chị T đi xuất khẩu lao động. Do vậy anh không đồng ý ly hôn.

**\* Về con chung:** Chị T và anh H cùng xác nhận có hai con chung là Lê Văn L, sinh ngày 08/9/1993 và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 28/8/2000. Hiện cháu Lê Văn L đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần, đã tự tham gia lao động xã hội nên không đề cập giải quyết người nuôi dưỡng và cấp dưỡng. anh H nhất trí giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu N đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Thanh N. Tại bản tự khai của cháu N cũng khẳng định cháu đang ở với mẹ (Chị T), bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

**\* Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Tại đơn khởi kiện, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản, công sức. Tại bản tự khai ngày 07/2/2018 anh H trình bày có tài sản, công sức, nợ chung và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Ngày 01/3/2018, anh H rút yêu cầu giải quyết nợ chung do không đưa ra được căn cứ chứng minh, đồng thời đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn về việc tự phân chia tài sản, trách nhiệm. Tại biên bản hòa giải ngày 15 và 21 tháng 3/2018, nguyên đơn chị T và bị đơn anh H cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản, công sức trong vụ án này và cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung; Đất ở chung: Không có.

**\* Về tài sản riêng:** Không có.

**Tại phiên tòa hôm nay:** Chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H, anh H không đồng ý việc chị T xin ly hôn ; Về con chung chị T, anh H đều đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cháu N theo nguyện vọng của cháu, việc trợ cấp nuôi con chung không đặt ra cho đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công sức chung : Chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, anh H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản, công sức trong vụ án này và cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:** Tòa án đã áp dụng đúng các quy định về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều

56, Điều 69, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn anh Lê Văn H; Về con chung : Giao chị T tiếp tục nuôi cháu Lê Thị Thanh N, sinh ngày 28/8/2000 đến năm 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm miễn việc trợ cấp nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung, công sức chung : Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nên đề nghị HĐXX chưa giải quyết; Tài sản riêng: Không có ; Đất ở chung: Không có.

\* Về án phí: Chị Lê Thị Hồng T chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hồng T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn H - Trú tại: thôn LT, xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội. Do vậy việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015]

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng T và anh Lê Văn H thấy rằng: Chị T, anh H kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BV, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 07/2/2018 bị đơn anh Lê Văn H nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T; tại các biên bản hòa giải ngày 06/3/2018 và 15/3/2018 anh H, chị T đều thỏa thuận tình ly hôn và thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án, ngày 19/3/2018 bị đơn thay đổi quan điểm, đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ. Tại phiên hòa giải ngày 21/3/2018, nguyên đơn Lê Thị Hồng T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn; Bị đơn Lê Văn H mặc dù xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài từ năm 2009 đến nay không giải quyết được nhưng không đồng ý ly hôn vì tiếc công nhiều năm sống một mình để chị T đi xuất khẩu lao động.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh H là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng dành cho nhau, thêm vào đó điều kiện không gian sống xa nhau nhưng không có chia sẻ trách nhiệm dẫn tới tình cảm vợ chồng dần nứt, trong thời gian chị T xuất khẩu lao động, anh H thừa nhận có cho người phụ nữ khác sinh con theo cách tự nhiên mà không có sự bàn bạc thống nhất với chị T, đây là một trong những nguyên nhân chị T xác định khiến tình cảm vợ chồng không hàn gắn được là có căn cứ. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn anh Lê Văn H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H cùng xác nhận có hai con chung là Lê Văn L, sinh ngày 08/9/1993 và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 28/8/2000. Hiện cháu Lê Văn L đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần, đã tự tham gia lao động xã hội nên không đề cập giải quyết người nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Xác nhận của chị T, anh H phù hợp lời khai của cháu Lê Văn L (bút lục 27).

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2018 và tại phiên tòa hôm nay, anh H nhất trí giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lê Thị Thanh N đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Thanh N. Thỏa thuận của anh H, chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Thị Thanh N thể hiện trong bản tự khai (bút lục số 26). Xét các sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, tài sản chung, công sức, nợ chung, án phí nêu trên đều không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đó của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị T, anh H cùng trình bày xác nhận có 01 nhà 03 tầng làm trên diện tích đất của bố mẹ đẻ anh H. Nay chị Thúy, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, công sức đóng góp chung trong vụ án này. Nên HĐXX không xem xét, chưa giải quyết.

[5] Về nợ chung; Đất ở chung: Chị T, anh H cùng xác nhận là không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 271 - Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị Hồng T đối với anh Lê Văn H. Cho chị Lê Thị Hồng T được ly hôn anh Lê Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 08/9/1993 và Lê Thị Thanh N, sinh ngày 28/8/2000. Hiện cháu Lê Văn L đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần, đã tự tham gia lao động xã hội nên không đề cập giải quyết người nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Giao chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lê Thị Thanh N đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N cho anh Lê Văn H cho đến khi có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có; Đất ở chung : Không có .

- Về án phí: chị Lê Thị Hồng T chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 02/02/2018 theo biên lai số 0008297.

- Quyền kháng cáo: Án Hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, có mặt các đương sự. Chị Lê Thị Hồng T, anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Lã Hùng Cường***